



## Bài báo nghiên cứu

# THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO CÁC HỌC PHẦN THỰC HÀNH Ở KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Võ Thuận Thành<sup>1\*</sup>, Nguyễn Xuân Nga<sup>1</sup>, Lưu Tăng Phúc Khang<sup>2</sup>,  
Đoàn Tiến Trung<sup>1</sup>, Trần Thị Phương Dung<sup>1</sup>, Đàm Lê Cẩm Tú<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

<sup>2</sup>Đại học Chiang Mai, Thái Lan

<sup>3</sup>Trường Tiểu học Phạm Văn Hai, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ: Nguyễn Võ Thuận Thành – Email: [thanhnvt@hcmue.edu.vn](mailto:thanhnvt@hcmue.edu.vn)

Ngày nhận bài: 15-4-2023; ngày nhận bài sửa: 19-5-2023; ngày duyệt đăng: 22-7-2024

## TÓM TẮT

Hoạt động đào tạo các học phần thực hành cho sinh viên (SV) thuộc chuyên ngành Giáo dục Thể chất (GDTC) là một trong những nhiệm vụ giáo dục quan trọng của Khoa GDTC Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM) trong giai đoạn đổi mới giáo dục hiện nay. Nghiên cứu này khảo sát 101 SV chuyên ngành thực thuộc Khoa GDTC Trường ĐHSP TPHCM về việc học các học phần thực hành. Kết quả khảo sát cho thấy đa số SV cho rằng cấu trúc và nội dung; phương pháp giảng dạy; hình thức kiểm tra và đánh giá; kết quả đầu ra của công tác giảng dạy; công tác hỗ trợ của các Phòng, Ban; chính sách hỗ trợ, khuyến khích dành cho SV; cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ các học phần thực hành chuyên ngành GDTC ở mức phù hợp đến hoàn toàn phù hợp.

**Từ khóa:** Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; giáo dục thể chất; học phần thực hành

## 1. Mở đầu

Giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) có vai trò chủ chốt trong quá trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đối với mỗi quốc gia. Đảng và Nhà nước đã chú trọng phát triển GD&ĐT, đặc biệt là phát triển giáo dục đại học (GDĐH). Trong Chỉ thị số 40 CT/TW của Ban Chấp hành Trung ương về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục đã nêu rõ: “Phát triển GD&ĐT là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là điều

**Cite this article as:** Nguyen Vo Thuan Thanh, Nguyen Xuan Nga, Luu Tang Phuc Khang, Doan Tien Trung, Tran Thi Phuong Dung, & Dam Le Cam Tu (2024). The current state of tr

aining activities for practical courses in the Department of Physical Education at Ho Chi Minh City University of Education. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(8), 1407-1419.

kiện để phát huy động lực con người. Đây là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, trong đó nhà giáo và CBQL giáo dục là lực lượng nòng cốt quan trọng” (The Central Committee of the Communist Party of Vietnam, 2004).

Giáo dục Thể chất là môn học bắt buộc trong hệ thống giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng được quy định cụ thể trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật, góp phần thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài cho đất nước (Nguyen, 2021). Công tác GDTC đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực do không ngừng đổi mới chương trình, giáo trình, tài liệu, đổi mới phương pháp và phương tiện dạy học theo hướng hiện đại, từng bước tiếp cận trình độ tiên tiến của các nước trong khu vực (Nguyen, 2017). Trong nhiều năm qua, hoạt động giảng dạy và học tập môn thực hành ở Khoa GDTC thuộc một số trường đại học đã và đang đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số ý kiến cho rằng việc học tập các môn thực hành thuộc chuyên ngành GDTC của người học còn chưa tích cực; hiệu quả học tập chưa tối ưu; phương pháp học tập còn đơn nguyên, chủ yếu là phương pháp dạy học theo phương thức huấn luyện; phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học còn hạn chế, chưa tiếp cận theo hướng năng lực thực hiện; các tài liệu, học liệu chưa đáp ứng hết nhu cầu đổi mới đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, còn một số hạn chế nhất định trong cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy học (Tran, 2020; Do et al., 2021).

Trường ĐHSP TPHCM xác định sứ mệnh trở thành trường đại học sư phạm trọng điểm Quốc gia, để phục vụ tốt nhu cầu đào tạo giáo viên chất lượng cao phục vụ cho sự nghiệp giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh thành phía Nam và cả nước. Việc đào tạo các môn thực hành thuộc chuyên ngành GDTC cho SV ngành GDTC là một trong những nhiệm vụ giáo dục tại Trường ĐHSP TPHCM, nhất là trong giai đoạn đổi mới và hội nhập giáo dục hiện nay. Đứng trước những yêu cầu nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo ngành GDTC, nghiên cứu **“Thực trạng hoạt động đào tạo các học phần thực hành Khoa GDTC Trường ĐHSP TPHCM”** được thực hiện nhằm xác định thực trạng về hoạt động đào tạo các môn thực hành của SV chuyên ngành GDTC. Nghiên cứu này cùng với các nghiên cứu khác về đánh giá chương trình đào tạo của các bên liên quan khác như người học, đơn vị sử dụng lao động... sẽ là cơ sở để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo SV chuyên ngành GDTC tại Trường ĐHSP TPHCM nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Một số khái niệm có liên quan

**Hoạt động đào tạo:** Là một hệ thống gồm nhiều thành tố tương tác chặt chẽ với nhau bao gồm: cấu trúc và nội dung; phương pháp giảng dạy; hình thức kiểm tra và đánh giá; kết quả đầu ra của công tác giảng dạy; công tác hỗ trợ của các Phòng, Ban; công tác hỗ trợ, khuyến khích dành cho SV; cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ các học phần... (Nguyen, 2011; Nguyen, 2017).

**Chất lượng:** Theo *Từ điển tiếng Việt thông dụng*, thuật ngữ chất lượng được hiểu là: “cái làm nên phẩm chất, giá trị của sự vật” hoặc “cái tạo nên bản chất sự vật, làm cho sự vật này khác sự vật kia” (Nguyen, 1997, p.189).

**Chất lượng GDTC:** Chất lượng GDTC là kết quả tổng hợp của quá trình GDTC, phản ánh trong các phẩm chất và năng lực, đặc biệt là các năng lực thể chất của người học, phù hợp với mục tiêu GDTC cho từng cấp học, bậc học và ngành nghề đào tạo (Nguyen, 2017).

## 2.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

### 2.2.1. Đối tượng nghiên cứu

Hoạt động đào tạo các môn thực hành của SV chuyên ngành GDTC tại Trường ĐHSP TPHCM.

### 2.2.2. Mục đích nghiên cứu

Nhằm thu thập thông tin đánh giá thực trạng hoạt động đào tạo các học phần thực hành của SV chuyên ngành GDTC tại Trường ĐHSP TPHCM.

### 2.2.3. Phương pháp nghiên cứu

#### Phương pháp khảo sát

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Kích thước mẫu được tiến hành thu thập là 101 SV ở khoa GDTC để xử lý dữ liệu định lượng. Nội dung phiếu hỏi về thực trạng hoạt động đào tạo các môn thực hành của SV chuyên ngành GDTC tại Trường ĐHSP TPHCM bao gồm các thành tố: cấu trúc và nội dung; phương pháp giảng dạy; hình thức kiểm tra và đánh giá; kết quả đầu ra của công tác giảng dạy; công tác hỗ trợ của các Phòng, Ban; công tác hỗ trợ, khuyến khích dành cho SV; cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ các học phần thực hành chuyên ngành GDTC được trình bày tại Bảng 1. Nghiên cứu sử dụng phương pháp xác định chất lượng ý kiến đánh giá bằng thang đo Likert, các mức độ đánh giá được tiến hành trên thang điểm 5 (Dang & Tran, 2021).

**Bảng 1.** Nội dung phiếu khảo sát thực trạng hoạt động học thực hành của SV chuyên ngành GDTC tại Trường ĐHSP TPHCM

TT	Các tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
<b>1. Cấu trúc và nội dung các học phần thực hành chuyên ngành GDTC ở Trường ĐHSP TPHCM</b>						
<i>(1: không đáp ứng, 2: ít đáp ứng, 3: đáp ứng, 4: đáp ứng cao, 5: hoàn toàn đáp ứng)</i>						
1.1	Tỉ lệ số tiết thực hành và lí thuyết cân đối, hợp lí					
1.2	Nội dung dạy thực hành gắn với mục tiêu của các học phần					
1.3	Nội dung thực hành khoa học					
1.4	Nội dung thực hành mang tính thực tiễn					
<b>2. Phương pháp giảng dạy các học phần thực hành chuyên ngành GDTC ở Trường ĐHSP TPHCM</b>						
<i>(1: không phù hợp, 2: ít phù hợp, 3: phù hợp, 4: phù hợp cao, 5: hoàn toàn phù hợp)</i>						
2.1	Phương pháp giảng dạy được lựa chọn phù hợp với nội dung					
2.2	Phương pháp giảng dạy thúc đẩy việc rèn luyện các kĩ năng cho người học					
2.3	Phương pháp giảng dạy nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học					
2.4	Phương pháp giảng dạy đa dạng					
<b>3. Hình thức kiểm tra và đánh giá các học phần thực hành chuyên ngành GDTC ở Trường ĐHSP TPHCM</b>						
<i>(1: không đáp ứng, 2: ít đáp ứng, 3: đáp ứng, 4: đáp ứng cao, 5: hoàn toàn đáp ứng)</i>						

TT	Các tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
3.1	Các quy định về kiểm tra và đánh giá rõ ràng và được thông báo tới người học					
3.2	Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng					
3.3	Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập					
3.4	Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập					
<b>4. Kết quả đầu ra của công tác giảng dạy các học phần thực hành chuyên ngành GDTC ở Trường ĐHSP TPHCM</b>						
<i>(1: không bao giờ, 2: hiếm khi, 3: thỉnh thoảng, 4: thường xuyên, 5: luôn thực hiện)</i>						
4.1	Tỉ lệ SV đạt yêu cầu các học phần được ghi nhận, so sánh hàng năm để cải tiến					
4.2	Tỉ lệ SV có thực hành các bài tập nhằm nâng cao sức khỏe được ghi nhận, so sánh hàng năm để cải tiến					
4.3	Sự hài lòng của SV được ghi nhận					
<b>5. Công tác hỗ trợ của các Phòng, Ban dành cho SV khi tham gia các các học phần thực hành chuyên ngành GDTC ở Trường ĐHSP TPHCM</b>						
<i>(1: hoàn toàn không đồng ý, 2: không đồng ý, 3: ít đồng ý, 4: đồng ý, 5: hoàn toàn đồng ý)</i>						
5.1	Đăng kí học học phần trên trang web dễ dàng, thuận tiện					
5.2	Đăng kí học lại dễ dàng và thuận tiện					
5.3	Các thủ tục nộp học phí dễ dàng, thuận tiện					
5.4	Các thủ tục phúc khảo dễ dàng, thuận tiện					
<b>6. Công tác hỗ trợ, khuyến khích dành cho SV khi tham gia các các học phần thực hành chuyên ngành GDTC ở Trường ĐHSP TPHCM</b>						
<i>(1: hoàn toàn không đồng ý, 2: không đồng ý, 3: ít đồng ý, 4: đồng ý, 5: hoàn toàn đồng ý)</i>						
6.1	Sự hỗ trợ của giảng viên (nhiệt tình trong việc hỗ trợ người học tập luyện, cải thiện sức khỏe giải đáp thắc mắc của người học)					
6.2	Tư vấn của cố vấn học tập về các môn GDTC (các môn tự chọn)					
6.3	Chế độ khen thưởng SV có kết quả học tốt (hoặc có thành tích thi đấu cho các đội tuyển của Trường)					
<b>7. Cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ SV khi tham gia các các học phần thực hành chuyên ngành GDTC ở Trường ĐHSP TPHCM</b>						
<i>(1: hoàn toàn không đồng ý, 2: không đồng ý, 3: ít đồng ý, 4: đồng ý, 5: hoàn toàn đồng ý)</i>						
7.1	Cơ sở vật chất và trang thiết bị (sân bãi để tập luyện) tốt					
7.2	Cơ sở vật chất và trang thiết bị (giáo trình và tài liệu học tập) đầy đủ					
7.3	Cơ sở vật chất và trang thiết bị (trang phục và đồ dùng phục vụ dạy học) tốt					

**Phương pháp xử lí kết quả khảo sát**

Sau khi thu thập xong dữ liệu, các câu trả lời được xem xét sơ bộ, loại bỏ (bảng tay) những bảng không đạt yêu cầu, sau đó tiến hành mã hóa, nhập liệu, làm sạch (bảng lệnh sort case) các bảng trả lời không hợp lệ, xử lí và phân tích dữ liệu bằng phần mềm SPSS 20.0.

Các số liệu thu được sẽ được xử lí như sau:

(1) Quy ra điểm trung bình: đối với các câu hỏi cho điểm sẽ được quy ra điểm trung bình và các điểm trung bình theo các mức sau: ý nghĩa của từng giá trị trung bình đối với

thang đo khoảng (Interval Seale). Giá trị khoảng cách = (Maximum - Minimum) n = (5-1)/5 = 0,8. Tiêu chuẩn và thang đánh giá trình bày trong Bảng 2.

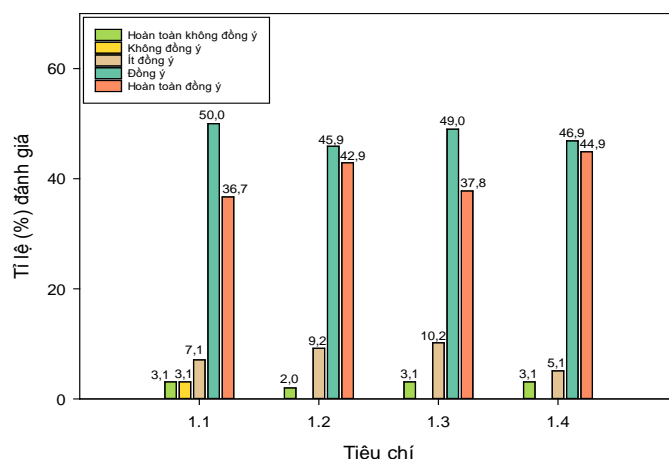
**Bảng 2.** Ý nghĩa của giá trị trung bình đối với thang đo khoảng

Giá trị trung bình	Ý nghĩa
1,00 – 1,80	Hoàn toàn không đồng ý/ không đáp ứng/không phù hợp.
1,81 – 2,60	Không đồng ý/ ít đáp ứng/ ít phù hợp.
2,61 – 3,40	Ít đồng ý/ đáp ứng/ phù hợp.
3,41 – 4,20	Đồng ý/ đáp ứng cao/ phù hợp cao.
4,21 – 5,00	Hoàn toàn đồng ý/ hoàn toàn đáp ứng/ hoàn toàn phù hợp.

(2) Thống kê mô tả: thống kê mô tả tỷ lệ (%) mẫu được dùng để thống kê đánh giá thực trạng hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học theo định hướng nâng cao chất lượng để rút ra kết luận làm cơ sở khi đưa ra giải pháp ở từng chỉ tiêu khảo sát.

## 2.2. Kết quả và thảo luận

### 2.2.1. Cấu trúc và nội dung các học phần thực hành chuyên ngành GDTC ở Trường ĐHSP TPHCM

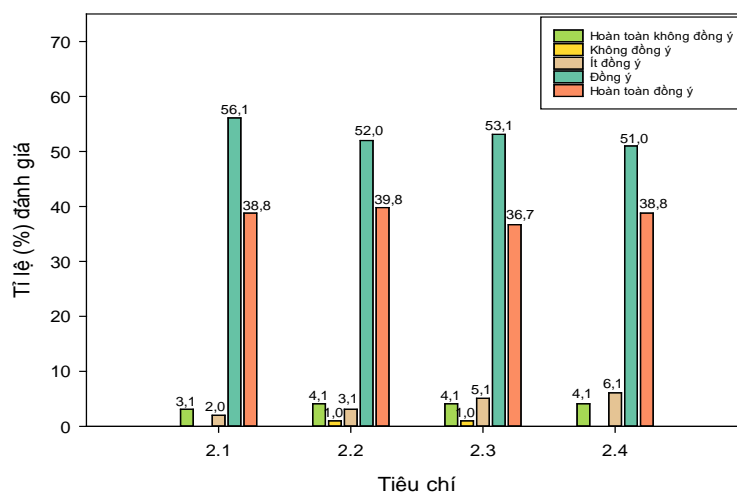


**Hình 1.** Tỷ lệ đánh giá của SV về cấu trúc và nội dung các học phần thực hành chuyên ngành GDTC

Cấu trúc và nội dung các học phần thực hành là một thành phần trong chương trình đào tạo, quyết định chất lượng đào tạo của các trường đại học (Doan, 2020). Việc xây dựng các học phần phụ thuộc vào tầm nhìn và sứ mệnh của cơ sở giáo dục trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Cấu trúc và nội dung các môn học là yếu tố tiên quyết để đạt được mục tiêu đào tạo mà nhà trường đã đề ra và nhằm hướng người học đạt được những năng lực nhất định (Nguyen et al., 2021). Kết quả khảo sát SV về cấu trúc và nội dung các học phần thực hành chuyên ngành GDTC (Hình 1) cho thấy đa số SV (> 93,8%) cho rằng cấu trúc và nội dung học các học phần thực hành chuyên ngành GDTC ở Trường ĐHSP TPHCM ở mức đáp ứng cho đến đáp ứng hoàn toàn. Tỷ lệ số tiết lý thuyết và thực hành cân đối và hợp lý được SV đánh giá ở mức đáp ứng đến đáp ứng hoàn toàn đạt 93,8% phản ánh

góc nhìn của SV về thời lượng của số tiết lí thuyết và thực hành là phù hợp và cân đối. Bên cạnh đó, SV chuyên ngành cho rằng những nội dung dạy học gắn liền với mục tiêu của học phần (98%). Cấu trúc và nội dung của các học phần thực hành chuyên ngành GDTC mang tính khoa học và thiết thực đối với SV thể hiện qua mức đánh giá từ đáp ứng đến đáp ứng hoàn toàn lần lượt đạt 97% và 96,8%. Nhìn chung, đa số SV nhìn nhận cấu trúc và nội dung của các học phần thực hành chuyên ngành đáp ứng được yêu cầu của SV ở các tiêu chí.

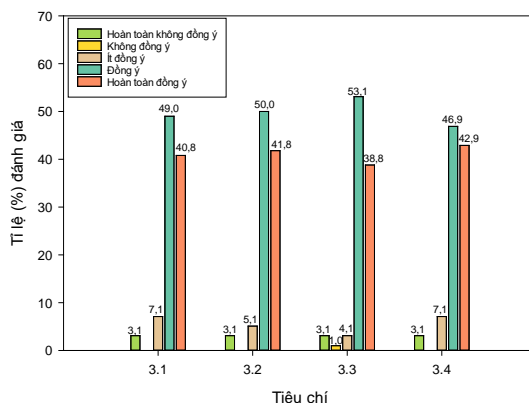
2.2.2. Phương pháp giảng dạy các học phần thực hành chuyên ngành GDTC ở Trường ĐHSP TPHCM



Hình 2. Tỷ lệ đánh giá của SV về phương pháp giảng dạy các học phần thực hành chuyên ngành GDTC

Kết quả khảo sát SV về phương pháp giảng dạy các học phần thực hành chuyên ngành GDTC (Hình 2) cho thấy đa số SV (> 94,9%) cho rằng phương pháp giảng dạy các học phần thực hành chuyên ngành GDTC ở mức phù hợp cho đến hoàn toàn phù hợp. Kết quả khảo sát cho thấy đa số SV cho rằng phương pháp giảng dạy các học phần thực hành chuyên ngành GDTC được lựa chọn phù hợp với nội dung dạy học (96,9%). Các phương pháp giảng dạy được đánh giá ở mức phù hợp trở lên ở tỷ lệ cao (>94,9%) khi cho rằng phương pháp giảng dạy thúc đẩy việc rèn luyện các kĩ năng cho người học (94,9%), nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học (94,9%) và phương pháp giảng dạy đa dạng (95,9%). Chuyên ngành GDTC với đặc thù ngành là thực hành kết hợp rèn luyện và phát triển kĩ năng ở người học, những phương pháp giảng dạy thực hành được SV đánh giá là đã đáp ứng yêu cầu đặt ra khi chú trọng và việc dạy học thực hành gắn liền với mục tiêu phát triển năng lực cá thể, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng GDTC trong giai đoạn hiện nay đặc biệt là đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

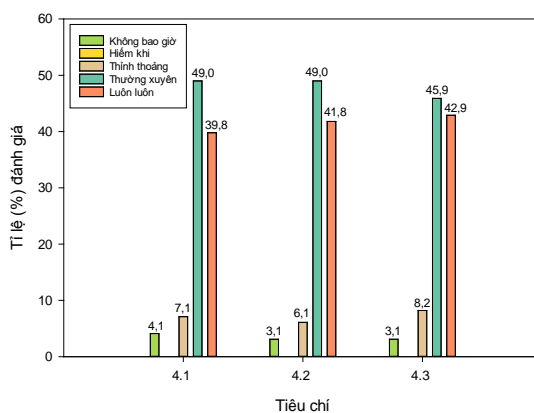
2.2.3. Hình thức kiểm tra đánh giá các học phần thực hành chuyên ngành GDTC ở Trường ĐHSP TPHCM



**Hình 3.** Tỷ lệ đánh giá của SV về hình thức kiểm tra đánh giá các học phần thực hành chuyên ngành GDTC

Kết quả khảo sát SV về hình thức kiểm tra đánh giá các học phần thực hành chuyên ngành GDTC (Hình 3) cho thấy đa số SV (> 96%) cho rằng hình thức kiểm tra đánh giá các học phần thực hành chuyên ngành GDTC ở mức đáp ứng cho đến hoàn toàn đáp ứng. Tiêu chí “Các quy định về kiểm tra và đánh giá rõ ràng và được thông báo tới người học” được phản hồi chủ yếu ở mức 3, 4, 5 với tỉ lệ lần lượt là 7,1%; 49%; 40,8% và có 3,1% SV đánh giá ở mức không đáp ứng. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng có 3,1% SV đánh giá ở mức 1; 5,1% SV đánh giá ở mức 3, mức 4 và 5 lần lượt được đánh giá ở tỉ lệ 50% và 41,8%. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập được 96% SV đánh giá từ mức đáp ứng đến hoàn toàn đáp ứng, còn một số ít SV (4%) đánh giá ở mức 1 và 2. Tiêu chí “Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập” được đánh giá ở mức đáp ứng đến hoàn toàn đáp ứng đạt 96,9%. Vì vậy, nhìn chung việc kiểm tra đánh giá đáp ứng với nhu cầu SV, tuy nhiên cần phải tiếp tục cải thiện quy trình kiểm tra đánh giá, quy trình phúc khảo để đảm bảo tính công khai và minh bạch, trong việc đánh giá các học phần thực hành chuyên ngành GDTC.

**2.2.4. Ý kiến của SV đối với kết quả đầu ra của công tác giảng dạy các học phần thực hành chuyên ngành GDTC ở Trường ĐHSP TPHCM**

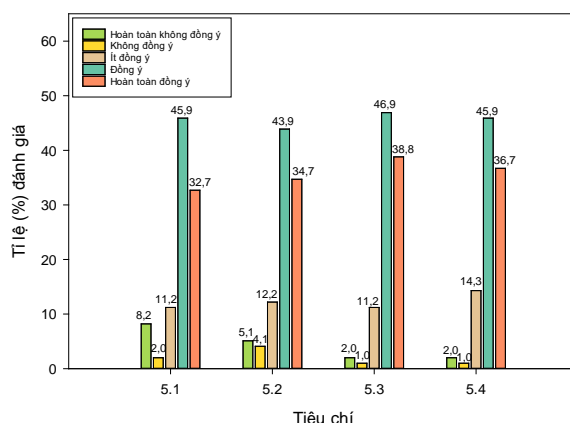


**Hình 4.** Tỷ lệ đánh giá của SV về kết quả đầu ra của công tác giảng dạy các học phần thực hành chuyên ngành GDTC

Kết quả khảo sát SV về hình thức về kết quả đầu ra của công tác giảng dạy các học phần thực hành chuyên ngành GDTC được đánh giá ở các tiêu chí: (i) tỉ lệ SV đạt yêu cầu các học phần được ghi nhận, so sánh hàng năm; (ii) tỉ lệ SV có thực hành các bài tập nhằm nâng cao sức khỏe được ghi nhận, so sánh hàng năm để cải tiến; (iii) sự hài lòng của SV được ghi nhận (Hình 4) cho thấy đa số SV (> 96,9%) thường xuyên kiểm tra đánh giá các học phần thực hành chuyên ngành GDTC. Cụ thể, ở tiêu chí “Tỉ lệ SV đạt yêu cầu các học phần được ghi nhận, so sánh hàng năm” được SV đánh giá từ mức thường xuyên đến luôn luôn thực hiện đạt 96,9%. Ở tiêu chí “Tỉ lệ SV có thực hành các bài tập nhằm nâng cao sức khỏe được ghi nhận, so sánh hàng năm để cải tiến” và “Sự hài lòng của SV được ghi nhận” được đánh giá ở mức thường xuyên đến luôn luôn thực hiện lần lượt đạt 96,9% và 97%. Kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn tồn tại một số ít ý kiến đánh giá của SV ở mức 1 ở các tiêu chí dao động trong khoảng 3,1-4,1%.

Nhìn chung, chính sách đánh giá kết quả học tập của SV đã được các trường quan tâm và đầu tư; tuy nhiên, để việc học tập của SV ngày càng tốt hơn, đảm bảo có chất lượng tốt thì các trường cần phải có những chính sách phù hợp để thúc đẩy người học học tốt hơn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

### 2.2.5. Công tác hỗ trợ của các Phòng, Ban dành cho SV khi tham gia các học phần thực hành chuyên ngành GDTC ở Trường ĐHSP TPHCM



**Hình 5.** Tỉ lệ đánh giá của SV về công tác hỗ trợ của các Phòng, Ban dành cho SV khi tham gia các học phần thực hành chuyên ngành GDTC

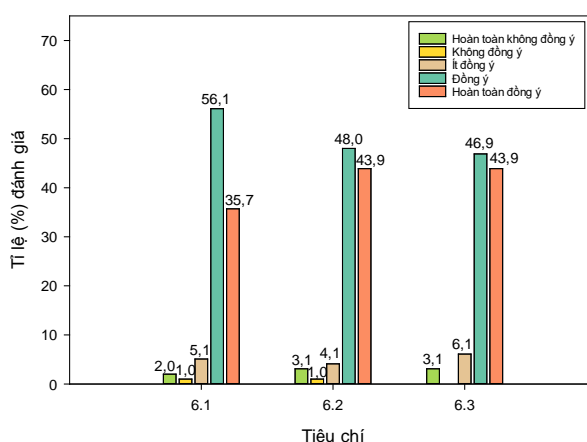
Kết quả khảo sát SV về công tác hỗ trợ của các Phòng, Ban dành cho SV khi tham gia các học phần thực hành chuyên ngành GDTC (Hình 5) cho thấy đa số SV (>78,6%) cho sự hỗ trợ của các Phòng, Ban dành cho SV chuyên ngành GDTC ở Trường ĐHSP TPHCM ở mức đồng ý cho đến hoàn toàn đồng ý. Tiêu chí “Đăng kí học phần trên trang web dễ dàng, thuận tiện” được SV đánh giá ở mức đồng ý đến hoàn toàn đồng ý đạt 78,6%. Bên cạnh đó, SV chuyên ngành cho rằng việc đăng kí học lại các học phần dễ dàng và thuận tiện là 78,6%. Các thủ tục nộp học phí và phúc khảo đối với SV là dễ dàng và thuận tiện thể hiện qua tỉ lệ đánh giá lần lượt đạt 85,7% và 82,4%. Bên cạnh đó còn một số SV đánh giá về công tác hỗ



trợ của các Phòng, Ban dành cho SV khi tham gia học các học phần thực hành ở mức 1 đến 3 còn khá cao, tỉ lệ đánh giá dao động trong khoảng 14,3%-21,4%.

Kết quả đánh giá thể hiện một số khó khăn của SV trong một số công tác như tham gia vào việc đăng kí học phần cho học kỳ mới theo chương trình đào tạo, đăng kí học cải thiện, thủ tục nộp học phí, phúc khảo bài thi. Vì vậy, cần cải thiện tốt hơn nữa thủ tục đăng kí học phần GDTC bằng cách các Phòng, Ban cần tiếp tục tăng cường công tác hỗ trợ về hoạt động đăng kí học phần cũng như một số thủ tục hành chính (nộp học phí, phúc khảo...) nhằm đảm bảo sự hỗ trợ thuận lợi, kịp thời cho SV ngành GDTC.

2.2.6. Công tác hỗ trợ, khuyến khích dành cho SV khi tham gia các học phần thực hành chuyên ngành GDTC ở Trường ĐHSP TPHCM

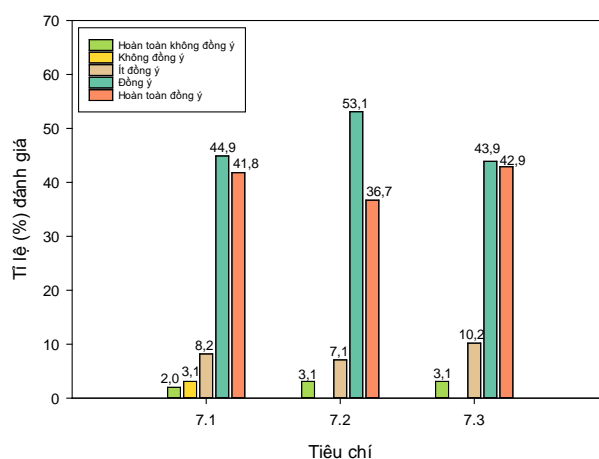


Hình 6. Tỉ lệ đánh giá của SV về công tác hỗ trợ, khuyến khích dành cho SV khi tham gia các học phần thực hành chuyên ngành GDTC

Kết quả khảo sát SV về công tác hỗ trợ, khuyến khích dành cho SV khi tham gia các học phần thực hành chuyên ngành GDTC được đánh giá ở các tiêu chí: (i) sự hỗ trợ của giảng viên (nhiệt tình trong việc hỗ trợ người học tập luyện, cải thiện sức khỏe giải đáp thắc mắc của người học); (ii) tư vấn của cố vấn học tập về các môn GDTC (các môn tự chọn); (iii) chế độ khen thưởng SV có kết quả học tốt (hoặc có thành tích thi đấu cho các đội tuyển của Trường) (Hình 4.6) cho thấy đa số SV (> 90,8%) đồng ý với công tác hỗ trợ, khuyến khích dành cho SV khi tham gia các học phần thực hành chuyên ngành GDTC. Cụ thể, ở tiêu chí “Sự hỗ trợ của giảng viên (nhiệt tình trong việc hỗ trợ người học tập luyện, cải thiện sức khỏe giải đáp thắc mắc của người học)” được SV đánh giá ở mức 4, 5 lần lượt đạt 56,1% và 36,7%. Ở tiêu chí “Tư vấn của cố vấn học tập về các môn GDTC (các môn tự chọn)” và “Chế độ khen thưởng SV có kết quả học tốt (hoặc có thành tích thi đấu cho các đội tuyển của Trường)” được đánh giá ở mức 4 - 5 lần lượt đạt 91,8% và 90,8%. Kết quả khảo sát cũng cho thấy sự tồn tại của một số ý kiến đánh giá ở mức 1 - 3 ở các tiêu chí dao động trong khoảng 7,2% – 9,2% cho thấy công tác hỗ trợ, khuyến khích dành cho SV khi tham gia các học phần thực hành chuyên ngành GDTC vẫn còn một số hạn chế nhất định. Vì vậy, nhằm giúp đỡ những vướng mắc kịp thời cho SV, GV phụ trách lớp phải cung cấp

đầy đủ thông tin cho các thành viên trong lớp, đặc biệt là thông tin liên lạc khi SV cần sự giúp đỡ, phản hồi nhanh nhất trên tinh thần trách nhiệm cao (Giao & Dang, 2021). Đồng thời, GV, thư kí Khoa lắng nghe, dành thời gian tham khảo ý kiến của SV và phản hồi cho SV khi thấy cần thiết.

2.2.7. Cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ SV khi tham gia các học phần thực hành chuyên ngành GDTC ở Trường ĐHSP TPHCM



**Hình 7.** Tỷ lệ đánh giá của SV về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ SV khi tham gia các học phần thực hành chuyên ngành GDTC

Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy - học tập là yếu tố quan trọng tác động trực tiếp đến hiệu quả, chất lượng đào tạo. Cơ sở vật chất được đáp ứng đầy đủ sẽ là điều kiện tốt để người giáo viên thể hiện ý tưởng của mình trong việc thực hiện các nhiệm vụ đào tạo đồng thời tạo điều kiện tốt nhất để SV tiếp thu bài giảng của GV. Có thiết bị dạy học tốt, GV có thể tổ chức được quá trình dạy học khoa học. Thiết bị dạy học phải đủ và phù hợp mới triển khai được các phương pháp dạy học hiệu quả (Nguyen, 2017). Trong giai đoạn đổi mới phương pháp dạy học theo hướng hiện đại hóa, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học là một trong những điều kiện quan trọng để thực hiện nhiệm vụ GD&ĐT. Kết quả khảo sát SV về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ SV khi tham gia các học phần thực hành chuyên ngành GDTC (Hình 7) cho thấy đa số SV (> 86,6%) cho rằng về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ SV khi tham gia các học phần thực hành chuyên ngành GDTC ở mức đáp ứng đến hoàn toàn đáp ứng. Tiêu chí “Cơ sở vật chất và trang thiết bị (sân bãi để tập luyện) tốt” được phản hồi chủ yếu ở mức 4, 5 với tỉ lệ lần lượt là 44,9%; 41,8% và có tỉ lệ SV đánh giá ở mức 1, 2, 3 đạt 13,4%. Cơ sở vật chất và trang thiết bị (Giáo trình và tài liệu học tập) đầy đủ có 3,1% SV đánh giá ở mức 1; 7,1% SV đánh giá ở mức 3, mức 4 và 5 lần lượt được đánh giá ở tỉ lệ 53,1% và 36,7%. Cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC tại Trường ĐHSP TP.HCM trong những năm qua được nhà trường xây dựng đầu tư, trang bị tăng lên về số lượng đã tạo điều kiện thuận lợi cho SV học tập. Tuy nhiên chất lượng thiết bị còn hạn chế, việc khai thác sử dụng các cơ sở vật chất còn chưa hiệu quả nên ở tiêu chí “Cơ sở vật chất và trang thiết bị (Trang phục và đồ dùng phục vụ dạy học) tốt” được

86,8% SV đánh giá từ mức đồng ý đến hoàn toàn đồng ý, còn một số ít SV (13,2%) đánh giá đáp ứng ở mức 1 đến 3.

### 3. Kết luận

Hoạt động đào tạo các học phần thực hành GDTC cho SV chuyên ngành GDTC ở Trường ĐHSP TPHCM hiện nay cơ bản tương đối phù hợp, đáp ứng được nhu cầu của SV, thúc đẩy sự phát triển cá nhân ở người học và đáp ứng được những yêu cầu về thể chất theo chuẩn nghề nghiệp mới và theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bên cạnh sự đánh giá đa số SV ở mức 3 – 5 cho các tiêu chí cấu trúc và nội dung; phương pháp giảng dạy; hình thức kiểm tra và đánh giá; kết quả đầu ra của công tác giảng dạy; công tác hỗ trợ của các Phòng, Ban; chính sách hỗ trợ, khuyến khích dành cho SV; cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ các học phần thực hành chuyên ngành GDTC. Nghiên cứu đề xuất một số kiến nghị: (i) Nhà trường và Khoa GDTC cần tiếp tục quan tâm công tác giảng dạy thực hành môn GDTC dành cho đối tượng là SV chuyên ngành; (ii) các Phòng, Ban cần xây dựng thêm hệ thống giải pháp nhằm cải thiện công tác đăng kí môn học và đăng kí học, nộp học phí và phúc khảo bài thi kịp thời nhằm hỗ trợ hiệu quả cho SV; (iii) cần có thêm một số chính sách về cải thiện điều kiện sân bãi, trang thiết bị phục vụ dạy thực hành.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dang, T. H., & Tran, T. T. O. (2021). Mô hình đánh giá chương trình đào tạo đại học [Model of assessment of university training programs]. *Vietnam Journal of Education*, 2, 6-11.
- Do, V. T., Nguyen, K. T., Nguyen, M. H., Trinh, X. H., & Nguyen, V. L. (2021). Thực trạng năng lực sư phạm trong học phần bóng chuyền của sinh viên khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế [Assessing Pedagogical Skills of Physical Education Students in the Volleyball Course: A Study at Hue University]. *Journal of Educational Equipment*, (Special – 7), 272-274.
- Doan, A. C. (2021). Thực trạng và giải pháp đổi mới chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non trường Đại học Tây Bắc [Reality and solutions to innovate the curriculum of kindergarten education discipline at Tay Bac University]. *Tay Bac University Journal of Science*, 25, 56-62.
- Giao, H. N. K., & Dang, V. U. (2021). Chất lượng đào tạo giáo dục thể chất tại Trường Đại học Tài chính – Marketing [Measuring Quality of Physical Training at the University of Finance-Marketing]. <https://ssrn.com/abstract=3869501>
- Government (2005). *Nghị quyết số 14/2005/NQCP ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 [Resolution No.14/2005/NQ CP issued on November 2, 2005 on fundamental and comprehensive renovation of higher education in Vietnam for the period 2006-2020]*.

- Government. (2010). *Quyết định số 2189/QĐ-TTg ban hành ngày 03 tháng 12 năm 2010 về chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2020*. [Decision No. 2189/QĐ-TTg dated December 3, 2010 on the development strategy of Vietnam's physical training and sports up to 2020].
- Government. (2015). *Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 01 năm 2015 quy định về giao dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường* [Decree No. 11/2015/NĐ-CP issued on January 31, 2015 regulating physical education and sports activities in schools].
- Le, V. H., Le, N. L., & Nguyen, V. T. (2008). *Tam lý học lứa tuổi và tam lý học sư phạm*. [Age psychology and pedagogical psychology]. The gioi Publisher.
- Nguyen, N. Y., Nguyen, V. K., & Phan, X. T. (1997). *Từ điển tiếng Việt thông dụng* [Common Vietnamese dictionary]. Education Publishing House.
- Nguyen, Q. U., Nguyen, V. L., & Dinh, V. V. (2006). *Giao trình Tâm lý học đại cương*. [General Psychology Textbook]. Pedagogical University Publishing House.
- Nguyen, T. H. V. (2011). *Quản lý hoạt động đào tạo ở Học viện Chính trị – Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay*. [Managing training activities at the Ho Chi Minh National Academy of Politics and Administration in the current context]. Doctoral thesis Education Management. VNU University of Education.
- Nguyen, V. T. (2017). *Nghiên cứu lựa chọn giải pháp nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất cho sinh viên trường Đại học Hải Phòng* [Research and choose solutions to improve the quality of physical education work for students at Hai Phong University]. Doctoral thesis Science of Education. Vietnam Sport Science Institute.
- Nguyen, V. T. T., Phan, T. L., Nguyen, H. M., & Phan, T. V. (2021). *Thực trạng giảng dạy các học phần giáo dục thể chất cho sinh viên khối không chuyên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh* [Current situations of teaching physical education courses for non-specialized students at Ho Chi Minh city University of Education]. *Ho Chi Minh city University of Education Journal of Science*, 18(5), 952 - 964.
- The Central Committee of the Communist Party of Vietnam. (2004). *Chỉ thị số 40/CT-TW ban hành ngày 05 tháng 06 năm 2004 về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục* [Directive No. 40/CT-TW issued on June 5, 2004 on building and improving the quality of teachers and educational administrators]. National Political Publishing House.
- The Central Committee of the Communist Party of Vietnam. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện GD và DT, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế* [Resolution No. 29-NQ/TW dated November 4, 2013 on fundamental and comprehensive renovation of education and training to meet the requirements of industrialization and modernization in the context of a socialist-oriented market economy and integration international].
- Tran, H. P. L. (2020). *Nghiên cứu lựa chọn một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy bộ môn bóng rổ cho sinh viên chuyên ngành GDTC trình độ cao đẳng tại Trường Đại học Tiền Giang* [Research and select some solutions to improve the effectiveness of teaching basketball for students majoring in physical education at college level at Tien Giang University]. In *National scientific conference “Improving the quality of physical education and sports activities in schools”*, (pp.517-523), Information and Communications Publishing House.

**THE CURRENT STATE OF TRAINING ACTIVITIES FOR PRACTICAL COURSES  
IN THE DEPARTMENT OF PHYSICAL EDUCATION  
AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION**

*Nguyen Vo Thuan Thanh<sup>1\*</sup>, Nguyen Xuan Nga<sup>1</sup>, Luu Tang Phuc Khang<sup>2</sup>,  
Doan Tien Trung<sup>1</sup>, Tran Thi Phuong Dung<sup>1</sup>, Dam Le Cam Tu<sup>3</sup>*

<sup>1</sup>*Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam*

<sup>2</sup>*Chiang Mai University, Thailand*

<sup>3</sup>*Pham Văn Hai Primary, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam*

*\*Corresponding author: Nguyen Vo Thuan Thanh – Email: thanhnvt@hcmue.edu.vn*

*Received: April 15, 2023; Revised: May 19, 2023; Accepted: July 22, 2024*

**ABSTRACT**

*The teaching and learning of practical courses for students majoring in Physical Education is a key component of the educational and training responsibilities within the Department of Physical Education at Ho Chi Minh City University of Education, particularly in the current context of educational reform and global integration. This study surveyed 101 Physical Education majors at the university regarding their experiences with practical courses. The results indicate that the majority of students perceive the structure and content of the courses, teaching methods, assessment forms, learning outcomes, departmental support services and policies, and the availability of facilities and equipment for practical courses to be appropriate to highly appropriate.*

**Keywords:** Ho Chi Minh City University of Education; physical education; practical training